TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/DS-ST
Ngày: 09-10-2018
V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trương Thị Tất;

Ông Dương Thành Công;

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Võ Thanh Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2018/TLST-DS, ngày 29 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2018/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị Mỹ L, sinh năm 1965; nơi cư trú: tổ 13, ấp X, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Lê Thị T, sinh năm 1980, nơi cư trú: tổ 14, ấp X, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Lưu Thị Thanh L, sinh năm 1974; nơi cư trú: ấp Xà, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. Ông Nguyễn Khoa H, sinh năm 1959; nơi cư trú: tổ 13, khu phố 6, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước, có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Thu L, sinh năm 1967; nơi cư trú: ấp B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

4. Bà Lê Thị Kim D, sinh năm 1972; nơi cư trú: ấp B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

5. Bà Lê Thị H, sinh năm 1969, nơi cư trú: ấp X, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

6. Bà Đặng Thị Kim H, sinh năm 1968; nơi cư trú: số nhà 139, ấp X, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

7. Bà Hồ Như T, sinh năm 1980; nơi cư trú: ấp X, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 5 năm 2018 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Phạm Thị Mỹ L trình bày: bà L và bà Lê Thị T có mối quan hệ quen biết hàng xóm gần nhà. Bà L cho bà T vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

Lần 1, ngày 15 tháng 5 năm 2016, bà L cho bà T vay số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), thỏa thuận về thời hạn vay là khi nào cần báo trước cho bà T 01 tháng sẽ trả lại, tiền lãi hàng tháng là 3.500.000 đồng. Bà L trực tiếp đem tiền qua nhà đưa cho bà T, khi cho vay không làm giấy tờ ghi nhận. Bà L cho bà T vay riêng, chồng bà T biết hay không thì bà L không rõ. Bà T trả lãi đến tháng 12 năm 2016 được số tiền là 24.500.000 đồng.

Lần 2, tháng 12 năm 2016, bà T qua nhà bà L vay số tiền 60.000.000 đồng, thỏa thuận về thời hạn vay là khi nào cần báo trước cho bà T 01 tháng sẽ trả lại, tiền lãi hàng tháng là 1.500.000 đồng, khi cho vay không lập giấy tờ ghi nhận. Bà L cho bà T vay riêng, chồng bà T biết hay không thì bà L không rõ.

Tổng hai lần bà T vay là 210.000.000 đồng. Tiền lãi của số tiền 210.000.000 đồng là 5.000.000 đồng/tháng. Từ tháng 12 năm 2016 đến tháng 4 năm 2017 bà T đóng lãi cho bà L được 20.000.000 đồng.

Bà T chưa trả tiền nợ gốc, tiền lãi đã trả được 44.500.000 đồng.

Do vay mượn không lập giấy tờ ghi nhận, bà T bỏ địa phương đi không hứa hẹn trả nợ nên ngày 10 tháng 5 năm 2018 khi bà T về Ngân hàng S để trả tiền thì những người cho vay đề nghị bà T về Ủy ban nhân dân xã L để viết giấy ghi nhận số nợ cho mọi người để làm tin, tiêu đề của giấy ghi nhận nợ là "giấy hứa tiền". Bà L chỉ biết đọc, không viết được chữ, chỉ ký được tên của mình. Giấy hứa tiền là do bà T viết toàn bộ, số nợ cũng do bà T viết, sau đó phần nợ của ai thì người đó ký tên vào phía sau để tự xác nhận. Khi viết giấy nợ bà T ghi 200.000.000 đồng, sau đó đứa cháu bà L đọc được số tiền ghi là 200.000.000 đồng nên nói với bà L rằng, sao nợ dì là 210.000.000 đồng mà bà T chỉ ghi 200.000.000 đồng. Bà L nhắc bà T là nợ 210.000.000 đồng sao chỉ ghi 200.000.000 đồng. Bà T tự sửa lại số 0 thành số 1 là 210.000.000 đồng.

Sau khi bà T viết giấy hứa tiền xong thì có người đi phô tô tầm 5 – 6 tờ giao cho mỗi người một tờ trong đó có bà L. Bà L không biết ai là người giữ tờ giấy hứa tiền bản gốc, sau khi khởi kiện Tòa án yêu cầu phải có bản chính để đối chiếu

bà L liên hệ bà Nguyễn Thị Thu L để lấy thì bà L nói là ông Nguyễn Khoa H đang cất giữ nên bà L lên nhà ông H để lấy về giao nộp cho Tòa án.

Khi bà T viết giấy hứa tiền có sự chứng kiến của các chủ nợ khác và đều là những người cho bà T vay tiền, đó là: bà Đặng Thị Kim H, bà Lê Thị H, bà Lưu Thị Thanh L, bà Lê Thị Kim D, bà Nguyễn Thị Thu L và bà Hồ Như T. Tất cả những người này đều chứng kiến việc bà T ghi số tiền nợ của của bà L là 200.000.000 đồng, sau đó sửa lại thành 210.000.000 đồng.

Tại bản tự khai đề ngày 07-6-2018 quá trình tham gia tố tụng, bị đơn bà Lê Thị T trình bày: bà T và bà Phạm Thị Mỹ L là hàng xóm quen biết nhau. Bà T có vay tiền của bà L 01 lần vào khoảng ngày 8 đến ngày 10 tháng 5 năm 2014 (âm lịch), bà T vay của bà L 20.000.000 đồng, khi cho vay không làm văn bản ghi nhận, bà L trực tiếp giao tiền cho bà T tại nhà bà L, khi vay thỏa thuận là khi nào có tiền thì trả, hàng tháng cứ trả tiền lãi. Thỏa thuận tiền lãi 500.000 đồng/tháng tương ứng 2,5%. Bà T đóng lãi cho bà L đến tháng 11 năm 2017 được 42 tháng tương ứng 21.000.000 đồng. Bà T vay tiền của bà L để kinh doanh mủ cao su, bà T bắt đầu kinh doanh mua mủ cao su từ năm 2012 tại nhà. Tiền bà T vay là nợ riêng của bà T.

Giấy hứa tiền là do bà T viết tại Ủy ban nhân dân xã L vào ngày 10 hay 12 tháng 5 năm 2018. Khi viết giấy hứa tiền có những người chủ nợ bà T đã ghi trong giấy và gia đình họ cũng đi theo, trong đó bà Phạm Thị Mỹ L, bà Đặng Thị Kim H, bà Lê Thị H, bà Lưu Thị Thanh L, bà Lê Thị Kim D, bà Nguyễn Thị Thu L, bà Hồ Như T có mặt, ông Nguyễn Khoa H không có mặt.

Tất cả những người chủ nợ nêu trên bà T đã thỏa thuận giải quyết xong về số nợ và đã có quyết định của Tòa án. Bà T và những người này không có mâu thuẫn gì ngoài việc bà T nợ tiền họ. Lời khai của những người làm chứng cho bà L cho rằng bà T ghi 200.000.000 đồng và sửa lại thành 210.000.000 đồng thì bà T không có ý kiến gì, vì đó là quyền của họ, họ muốn khai gì thì khai.

Riêng đối với phần bà L, ai ghi thêm vào tờ giấy và sửa lại từ 20.000.000 đồng thành 210.000.000 đồng bà T không rõ, nhưng thực tế bà T chỉ nợ bà L số tiền 20.000.000 đồng. Bà T không có ai làm chứng cho việc bà T ghi số nợ trong giấy hứa tiền là 20.000.000 đồng, vì số nợ của ai người đó quan tâm, không ai quan tâm đến nợ người khác. Bà T không yêu cầu giám định chữ viết trong giấy hứa tiền.

Tại bản tự khai đề ngày 21 tháng 8 năm 2018, người làm chứng bà Lưu Thị Thanh L trình bày: bà Thanh L không có mối quan hệ họ hàng với bà T và bà Mỹ L. Vào ngày 10 tháng 5 năm 2018, mọi người phát hiện bà Lê Thị T về ngân hàng Sacombank rút sổ, mọi người báo cho nhau biết để gặp bà T hỏi số sợ đã vay nhưng bà Lê Thị T không hợp tác nên mọi người có nhờ Công an xã L mời bà T về Ủy ban xã làm việc. Sau đó, bà T tự viết số tiền nợ của mọi người trong đó có bà Thanh L là người cho bà T vay tiền. Lúc đó bà Thanh L có nghe bà Mỹ L nói với bà T số tiền vay là 210.000.000 đồng sao ghi 200.000.000 đồng, lúc đó bà T sửa thành số 1. Nội dung số tiền nợ của mọi người là do bà Lê Thị T tự ghi. Tờ giấy đó

sau khi ghi xong do bà Nguyễn Thị Thu L giữ. Vào thời điểm bà T ghi số tiền có bà Lưu Thị Thanh L, Lê Thị Kim D, Lê Thị H, Đặng Thị Kim H, Nguyễn Thị Thu L chứng kiến bà T ghi số tiền của bà Phạm Thị Mỹ L từ 200.000.000 đồng sửa thành 210.000.000 đồng.

Tại bản tự khai đề ngày 23 tháng 8 năm 2018, người làm chứng ông Nguyễn Khoa H trình bày: ngày xảy ra sự việc ông H không chứng kiến, sau này về được nghe kể lại sự việc tranh chấp giữa bà L và bà T. Giấy hứa tiền là do bà Nguyễn Thị Thu L giao cho ông H giữ.

Tại bản tự khai đề ngày 21 tháng 8 năm 2018, người làm chứng bà Nguyễn Thị Thu L trình bày: vào ngày 10 tháng 5 năm 2018, bà Lê Thị T lên rút sổ ngân hàng thì mọi người phát hiện nên đến ngân hàng yêu cầu bà T trả tiền, bà T không chịu nên hai bên giằng co. Sau đó, nhờ công an can thiệp đưa về xã L thì bà T viết giấy cam kết để trả, bà L cũng ngồi tại đó vì bà T cũng nợ bà L, khi bà T viết nợ bà L 200.000.000 đồng thì đứa cháu bà L tên Hồ Như T (tên thường gọi là B) nói rằng: con nghe nó nợ dì 210.000.000 đồng sao giờ ghi có 200.000.000 đồng thì bà L nói với bà T là con mượn của dì 210.000.000 đồng sao giờ ghi 200.000.000 đồng, lúc đó bà T sửa thành số 1. Tên đầy đủ của bà L là Phạm Thị Mỹ L. Tờ giấy ghi giấy hứa tiền trả nợ là do bà T viết, bà L là người giữ, khi ông Nguyễn Khoa H đi Nha Trang về thì ông H lên mượn để khởi kiện thì bà L giao cho ông H, bà L đã xem lại giấy, hiện không có gì thay đổi ngoài nội dung thứ 5-7/8/2018.

Tại bản tự khai đề ngày 21 tháng 8 năm 2018, người làm chứng bà Lê Thị Kim D trình bày: vào ngày 10-5-2018, mọi người phát hiện bà Lê Thị T về ngân hàng S rút sổ, mọi người báo cho nhau để gặp bà Lê Thị T hỏi số nợ. Nhưng bà Lê Thị T không hợp tác nên mọi người đã nhờ công an xã L mời bà T về Ủy ban xã L. Sau đó, bà T tự viết số tiền nợ trong đó cũng có bà D là người cho bà T vay tiền. Lúc đó, bà D nghe bà L (bà Phạm Thị Mỹ L) nói: số tiền là 210.000.000 đồng sao con ghi là 200.000.000 đồng thì bà T sửa thành số 1. Nội dung về số tiền nợ của mọi người là do tự bà T ghi, chỉ ghi một tờ và tờ giấy đó do bà Nguyễn Thị Thu L giữ. Thời điểm đó có bà Lưu Thị Thanh L, bà Nguyễn Thị Thu L, bà Đặng Thị Kim H, bà Lê Thị H cùng chứng kiến việc bà Lê Thị T ghi số tiền cho bà Phạm Thị Mỹ L là 200.000.000 đồng sau đó sửa lại thành 210.000.000 đồng.

Tại bản tự khai đề ngày 21 tháng 8 năm 2018, người làm chứng bà Lê Thị H trình bày: vào ngày 10-5-2018, mọi người phát hiện bà Lê Thị T về ngân hàng S rút sổ, mọi người báo cho nhau để gặp bà Lê Thị T hỏi số nợ. Nhưng bà Lê Thị T không hợp tác nên mọi người đã nhờ công an xã L mời bà T về Ủy ban xã L. Sau đó, bà T tự viết số tiền nợ của mọi người trong đó có số tiền của bà H cho bà T mượn. Khi viết giấy xong số nợ của mọi người có mặt tại xã L tôi có nghe bà Phạm Thị Mỹ L nói số tiền là 210.000.000 đồng sao con ghi là 200.000.000 đồng, bà T sửa lại thành con số 1. Bà T viết xong giấy thì bà Nguyễn Thị Thu L là người cầm tờ giấy đó. Vào thời điểm bà T ghi giấy có những người chứng kiến sau: Lê Thị Kim D, Lưu Thị Thanh L, Đặng Thị Kim H, Nguyễn Thị Thu L. Bà H không có quan hệ họ hàng với bà T và bà L, nợ giữa bà H và bà T đã được giải quyết xong.

Tại bản tự khai đề ngày 21 tháng 8 năm 2018, người làm chứng bà Đặng Thị Kim H trình bày: vào ngày 10-5-2018, mọi người phát hiện bà Lê Thị T về ngân hàng S rút sổ, mọi người báo cho nhau để gặp bà Lê Thị T hỏi số nợ. Nhưng bà Lê Thị T không hợp tác nên mọi người đã nhờ công an xã L mời bà T về Ủy ban xã L. Sau đó, bà T tự viết số tiền nợ của mọi người trong đó có số tiền của bà H cho bà T mượn. Khi viết giấy xong số nợ của mọi người có mặt tại phòng tiếp dân của Ủy ban nhân dân xã L tôi có nghe bà Phạm Thị Mỹ L nói số tiền là hai trăm mười triệu sao con ghi là hai trăm, bà T sửa lại thành con số một. Bà T viết xong giấy thì bà Nguyễn Thị Thu L là người cầm tờ giấy đó. Vào thời điểm bà T viết giấy có những người chứng kiến sau: bà Lê Thị Kim D, bà Lưu Thị Thanh L, bà Lê Thị H và bà Nguyễn Thị Thu L. Bà H không có quan hệ họ hàng với bà T và bà L, nợ giữa bà H và bà T đã được giải quyết xong.

Tại biên bản lấy lời khai đương sự đề ngày 14 tháng 6 năm 2018, người làm chứng bà Hồ Như T trình bày: bà T là cháu gọi bà L bằng dì. Việc vay tiền giữa bà L và bà T cụ thể như thế nào thì bà T không rõ, chỉ biết tổng số tiền bà L cho bà T vay là 210.000.000 đồng. Về "giấy hứa tiền" là do bà T tự viết tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, khi viết số tiền tại dòng ghi dì L bà T viết 200.000.000 đồng. Nhưng trước đây bà T có biết được bà L cho bà T vay số tiền 210.000.000 đồng, vì vậy khi bà T viết trên giấy hứa trả số tiền 200.000.000 đồng thì bà T báo cho bà L biết. Sau đó, bà L nói với bà T thì bà T mới tự chỉnh lại sửa số 0 thành số 1.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Phạm Thị Mỹ L trình bày: bà L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Do bà L không biết viết nên khi cho bà T vay tiền bà L không lập giấy tờ ghi nhận. Việc trả lãi cũng không lập giấy tờ ghi nhận. Khi cho vay bà T sang nhà bà L lấy tiền, tiền bà L cho mình bà T vay nên chỉ yêu cầu bà T trả nợ. Về tiền lãi bà L không yêu cầu bà T trả.

Bị đơn bà Lê Thị T: bà T giữ nguyên ý kiến như đã trình bày trong quá trình tố tụng. Bà T chỉ vay bà L số tiền 20.000.000 đồng, tiền vay của bà L tiền vay riêng. Giấy hứa tiền do bà T viết, phần nợ bà L thì bà T chỉ viết 20.000.000 đồng, ai sửa thành 210.000.000 đồng bà T không biết. Khi viết giấy hứa tiền thì những người làm chứng đều có mặt trừ ông Nguyễn Khoa H. Bà T không đồng ý trả cho bà L số tiền 210.000.000 đồng.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị Thu L, bà Đặng Thị Kim H, bà Lê Thị H, bà Lưu Thị Thanh L, bà Lê Thị Kim D, bà Nguyễn Thị Thu L, bà Hồ Như T và ông Nguyễn Khoa H: giữ nguyên lời trình bày như quá trình tố tụng. Nợ của bà T đối với bà Nguyễn Thị Thu L, bà Đặng Thị Kim H, bà Lê Thị H, bà Lưu Thị Thanh L, bà Lê Thị Kim D, bà Nguyễn Thị Thu L, bà Hồ Như T và ông Nguyễn Khoa H đã được giải quyết bằng quyết định đã có hiệu lực pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: bà Phạm Thị Mỹ L khởi kiện bà Lê Thị T, yêu cầu bà T trả số tiền đã vay của bà L, do đó quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản; bà T có nơi cư trú tại ấp X, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà Phạm Thị Mỹ L trình bày cho bà Lê Thị T vay tiền 02 lần với tổng số tiền là 210.000.000 đồng. Cụ thể như sau: ngày 15 tháng 5 năm 2016 cho bà T vay 150.000.000 đồng; tháng 12 năm 2016 cho bà T vay 60.000.000 đồng. Bà T chưa trả nợ gốc, có trả lãi đến tháng 4 năm 2017 với số tiền là 44.500.000 đồng.

Bà Lê Thị T trình bày vào khoảng 8 – 10 tháng 5 năm 2014 (âm lịch), có vay của bà Phạm Thị Mỹ L 20.000.000 đồng. Thỏa thuận tiền lãi 500.000 đồng/tháng tương ứng 2,5%. Bà T đóng tiền lãi cho bà L đến tháng 11 – 2017, được 42 tháng tương đương số tiền là 21.000.000 đồng. Bà T xác định chỉ nợ bà L số tiền 20.000.000 đồng.

Chứng cứ bà L cung cấp là "giấy hứa tiền" trong đó phần nội dung ghi Di Linh 210.000.000 đồng có chỉnh sửa tại chữ số 0 phía sau chữ số 2 thành số 1. Bà L xác định: do bà L không biết chữ nên khi bà T viết giấy hứa tiền thì cháu bà L là bà Hồ Như T phát hiện bà T ghi là 200.000.000 đồng là không đúng với số tiền bà T đã nợ bà L. Do đó, bà L nói lại bà T và bà T đã tự chỉnh sửa lại từ số 0 thành số 1 tương ứng số tiền 210.000.000 đồng. Việc bà T ghi và chỉnh sửa nội dung số tiền của bà L có bà Lê Thị Kim D, bà Lưu Thị Thanh L, bà Lê Thị H, bà Nguyễn Thị Thu L, bà Đặng Thị Kim H và bà Hồ Như T cùng chứng kiến.

Cả bà L và bà T xác định khi vay hai bên không lập giấy tờ ghi nhận, bà L cho bà T vay riêng không liên quan đến chồng bà T. Do bà T không trả nợ nên ngày 10-5-2018, khi bà T về ngân hàng rút sổ thì bà L cùng các chủ nợ khác yêu cầu bà T viết giấy cam kết trả nợ có tiêu đề "giấy hứa tiền". Bà T xác định "giấy

hứa tiền" do bà T tự ghi toàn bộ nội dung, khi bà T viết "giấy hứa tiền" có sự chứng kiến của bà Phạm Thị Mỹ L, bà Lê Thị Kim D, bà Lưu Thị Thanh L, bà Lê Thị H, bà Nguyễn Thị Thu L, bà Đặng Thị Kim H và bà Hồ Như T. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bà Thúy không yêu cầu trưng cầu giám định phần chữ số 1 và chữ số 0 phía sau số 2 của phần nội dung ghi Di Linh 210.000.000 tại "giấy hứa tiền". Những tình tiết, sự kiện này nguyên đơn đưa ra, bị đơn thừa nhận, không phản đối nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi bà T viết giấy hứa tiền thì giấy này được phô tô và giao cho mỗi chủ nợ 01 bản, bà Nguyễn Thị Thu L cất giữ bản gốc. Bà L xác định nội dung số tiền nợ bà L do bà T tự chỉnh sửa. Bà L trực tiếp cất giữ giấy này sau đó giao lại cho ông Nguyễn Khoa H. Khi bà L khởi kiện thì ông H giao lại cho bà L để nộp cho Tòa án.

Giữa bà Lê Thị T và những người làm chứng bà Lê Thị Kim D, bà Lưu Thị Thanh L, bà Lê Thị H, bà Nguyễn Thị Thu L, bà Đặng Thị Kim H và bà Hồ Như T không có bất kì mâu thuẫn nào, việc vay tiền giữa bà T và những người làm chứng đã được giải quyết bằng quyết định có hiệu lực pháp luật.

Lời khai của nguyên đơn bà Phạm Thị Mỹ L và những người làm chứng trực tiếp chứng kiến sự việc phù hợp với nhau và phù hợp với tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án.

Có cơ sở xác định hợp đồng vay tiền giữa bà Phạm Thị Mỹ L và bà Lê Thị T là có thật, do hai bên tự nguyện thoả thuận giao kết với nhau. Khi vay các bên xác lập giao dịch bằng lời nói. Sau khi bà Thúy phạm nghĩa vụ thanh toán thì các bên lập thành văn bản có tiêu đề "giấy hứa tiền" để làm bằng chứng cho việc vay tiền. Khi giao kết hợp đồng, hai bên có đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng vay tiền không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên hợp đồng vay tiền có hiệu lực pháp luật và có ý nghĩa ràng buộc trách nhiệm pháp lý giữa các bên. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là 210.000.000 đồng là có căn cứ nên hội đồng xét xử chấp nhận.

Lời trình bày của bà T về số tiền vay bà L và nội dung "giấy hứa tiền" là không có cơ sở xem xét. Bởi, bà T thừa nhận giấy hứa tiền do bà T viết có sự chứng kiến của những người làm chứng bà Lê Thị Kim D, bà Lưu Thị Thanh L, bà Lê Thị H, bà Nguyễn Thị Thu L, bà Đặng Thị Kim H và bà Hồ Như T. Việc bà T chỉnh sửa số tiền thành 210.000.000 đồng cũng có những người làm chứng chứng kiến. Giấy hứa tiền sau khi bà T viết xong do bà Nguyễn Thị Thu L cất giữ. Bà T không cung cấp được chứng cứ xác định bà T chỉ vay bà L số tiền 20.000.000 đồng, đồng thời cũng không yêu cầu giám định làm rõ nội dung chỉnh sửa trong giấy hứa tiền nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tiền lãi: bà L thừa nhận đã nhận tiền lãi của bà T từ 15-5-2016 đến tháng 4-2017 là 44.500.000 đồng. Xét, tiền lãi bà L đã nhận cho đến khi khởi kiện là không vượt quá quy định tại Điều 476 của Bộ luật Dân sự, quá trình tố tụng và tại

phiên tòa bà L chỉ yêu cầu bà T trả nợ gốc, không yêu cầu tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

[4] Về án phí: bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 92, 147, 227, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí, khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Mỹ L đối với bị đơn bà Lê Thị T về việc tranh chấp về hợp đồng vay tài sản.

Buộc Lê Thị T phải trả cho bà Phạm Thị Mỹ L số tiền 210.000.000 đồng (hai trăm mười triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà Lê Thị T phải nộp 10.500.000 đồng (mười triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị Mỹ L không phải chịu án phí. Hoàn lại cho bà L số tiền 5.250.000 đồng (năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002977 ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Ánh Tuyết